KHAI THÁC GIÁ TRỊ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN ĐẶC TRƯNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI BỀN VỮNG

TS **TẠ THỊ HOÀNG VÂN I** VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA

Trong cấu trúc đô thị Hà Nội, cảnh quan làng là một thành phần quan trọng cấu thành nên quỹ di sản của Thủ đô. Hiến chương Washington (1987) về bảo vệ thành phố và khu vực đô thị lịch sử đã nhấn mạnh "khu vực đô thị lịch sử, cả rộng lớn đến nhỏ bé, bao gồm các đô thị, thị xã, thành phố và các trung tâm hoặc khu phố lịch sử cùng với môi trường tự nhiên và nhân tạo của chúng. Ngoài vai trò là chứng tích lịch sử, những khu vực đó còn là hiện thân của các giá trị của những văn hoá đô thị truyền thống".

Quy hoạch năm 2008, thủ đô Hà Nội được mở rộng, thì bảo tồn quỹ di sản kiến trúc đô thị là một trong những vấn đề được đặc biệt ưu tiên. Bởi nó gắn liền tới sự thay đổi của hình thái đô thị, là định hướng và tầm nhìn phát triển của một đô thị hiện đại - bền vững. Lịch sử hình thành đô thị Hà Nội là tập hợp của nhiều làng xã tạo nên một không gian văn hóa xã hội độc đáo.

TỐI ƯU HÓA CỦA CẢNH QUAN NÔNG THÔN TRONG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

Cảnh quan nông thôn là loại cảnh quan phổ biến trong đô thị Hà Nội. Bởi bản chất một đô thị hình thành và phát triển trên nền tảng "xung quanh thì lũy, tứ vi thì đồng". Thực tế này có kết quả chủ yếu từ các điều kiện tiên quyết về môi trường, cũng như các vùng văn hóa. Cảnh quan nông thôn bao gồm cảnh quan sử dụng nông nghiệp và cảnh quan định cư. Bối cảnh của cảnh quan nông thôn bao gồm các khu vực sử dụng nông nghiệp (đất trồng trọt, đồng lúa…) và đất nhàn rỗi. Điều kiện văn hóa - dân tộc (phương pháp quản lý đất đai truyền thống, điều chỉnh theo điều kiện môi trường, kiến trúc) đóng một vai trò quan trọng. Mặc dù cảnh quan nông thôn là loại thích nghi tốt nhất với điều kiện môi trường, chúng hiếm khi được phát triển theo cách tối ưu, không có mối đe dọa đối với sự bền vững môi trường.

Quá trình tối ưu hóa cảnh quan được đặt trước bởi việc sử dụng hợp lý và bao gồm trong việc cân bằng:

+ Năng lực sinh thái của môi trường nông thôn;

+ Sự ổn định của hệ sinh thái nông thôn;

+ Tiềm năng tự nhiên của nông thôn;

+ Các chức năng được phục vụ bởi một khu vực cụ thể (cảnh quan).

Phân tích các điều kiện tự nhiên của các hoạt động của con người cho phép xác định trạng thái cân bằng sinh thái của cảnh quan. Các yếu tố còn lại là tương đối và phụ thuộc vào nhận thức, giá trị thể hiện, thái độ, nhu cầu, điều kiện kinh tế, quy định pháp lý hiện hành về mức độ phát triển công nghệ. Tối ưu hóa cảnh quan, dựa trên các nguyên tắc phát triển bền vững, cũng có thể được kích hoạt

bằng cách kiểm soát các yếu tố tương đối theo cách dẫn đến trạng thái cân bằng sinh thái của cảnh quan, đảm bảo độ bền và chất lượng cuộc sống cao.

Chính vì vậy, các yếu tố quan trọng để lập kế hoạch tối ưu hóa cảnh quan nông thôn trong bối cảnh của đô thị cần được tính toán từ nhiều phương diện: *Tự nhiên; Lịch sử - Văn hóa; Xã hội; Kinh tế; Chính trị; Pháp lý; Kỹ thuật và công nghệ.*

NHỮNG YẾU TỐ ĐẶC TRƯNG CẢNH QUAN NÔNG THÔN TRONG ĐÔ THỊ

Nông nghiệp đô thị góp phần tạo cảnh quan đô thị và cải thiện sức khỏe cộng đồng. Phát triển "đô thị sinh thái" hay "đô thị xanh" là những cụm từ đang trở nên phổ biến tại các diễn đàn về phát triển đô thị hiện nay. Mục tiêu hướng tới là quy hoạch và xây dựng các đô thị có môi trường và cảnh quan thân thiện với thiên nhiên, đảm bảo các tiêu chuẩn tốt cho sức khỏe cộng đồng. Đối với mục tiêu này trong tiến trình đô thị hóa và phát triển của các đô thị, phát triển nông nghiệp đô thị thực sự là một giải pháp hiệu quả nhất. Ngoài các ý nghĩa như trên, nông nghiệp đô thị sẽ tạo ra hệ thống cảnh quan, các vành đai xanh rất ý nghĩa cho các đô thị (cây xanh, công viên, mảng xanh trên các ban công, hay các vành đai xanh bao quanh ven đô… là những hình thức và sản phẩm của nông nghiệp đô thị). Sản xuất nông nghiệp đô thị một mặt vừa đảm bảo các nhu cầu về dinh dưỡng, mặt khác cũng chính là một hình thức lao động, giải trí góp phần nâng cao thể lực, trí lực cho cư dân đô thị.

Cần cây dựng tiêu chí riêng cho khu vực lưỡng cư "nửa đô thị nửa nông thôn" và có hệ thống cơ sở dữ liệu cấp quốc gia và cấp địa phương phục vụ việc ban hành chính sách quản lý.

- Cấu trúc không gian nông thôn ở vùng ven đô phụ thuộc với cấu trúc không gian vùng đô thị lớn, trong mối quan hệ giữa trung tâm lõi đô thị - vùng ven đô - khu vực nông thôn. Sự biến động không ngừng ở vùng ven đô, đòi hỏi cấu trúc không gian linh hoạt, dễ dàng thích nghi trước những biến đổi.

- Đối với quy hoạch nông thôn, làng xã nông thôn ven đô được coi là các điểm đô thị mật độ thấp, nên chỉ tiêu phát triển nông thôn mới trong 19 tiêu chí bổ sung thêm các chỉ tiêu đô thị, chú trọng chỉnh trang hạ tầng làng xã và chức năng mới để nông thôn hoà nhập với đô thị, thay vì quy hoạch vùng ven chỉ quan tâm đến các đô thị phát triển mới.

- Đối với quy hoạch đô thị, làng xã nông thôn đã nằm lọt trong quận/phường mới, được chú trọng quy hoạch bảo vệ không gian làng xã gồm điểm định cư nông thôn và vùng sinh thái nông nghiệp còn xót lại trong lòng đô thị, để làng xã nông thôn từng bước hội nhập dần trong đô thị, thay vì chuyển đổi "sốc" làm tổn hại đến cuộc sống cư dân.

Nếu nông nghiệp ven đô là tiềm năng phát triển kinh tế vùng, thì nông nghiệp đô thị tạo ra dòng luân chuyển, xuất hiện nhiều dịch vụ đô thị mới, vì vậy tăng cường liên kết đô thị - nông thôn nói chung và tích hợp những yếu tố nông nghiệp trong phát triển đô thị là một đặc trưng của một xã hội có nền tảng văn hóa lúa nước như Việt Nam.

ỨNG XỬ VỚI CÁC NHÓM LÀNG "NÔNG NGHIỆP" TRONG ĐÔ THỊ

Nông nghiệp trong đô thị bản chất vẫn là các làng hiện đang tồn tại trong khu vực đang phát triển cộng với quá trình đô thị hóa mạnh mẽ. Sự hiện diện của không gian nông nghiệp được coi là tạo thế "cân bằng" với tốc độ phát triển ồ ạt của đô thị. Vì vậy, có thể thấy rõ sự phân bố khá rõ *Làng nằm trong khu vực trung tâm nội đô lịch sử; Làng nằm ở vùng ven đô; Làng ở khu vực ngoại thành.*

Tuy nhiên trong đánh giá và phân tích để có chế tài quản lý, bảo tồn phù hợp, người viết chia các làng ở những khu vực chức năng khác nhau trong thành phố:

Các làng nằm trong khu vực nội đô: Đây là những làng có những giá trị đặc biệt bởi vị trí nằm trong khu vực đô thị lịch sử, còn lưu lại hệ thống di tích lịch sử, văn hoá, khu vực cảnh quan văn hoá môi trường có các giá trị văn hoá lịch sử, công trình tôn giáo tín ngưỡng và cảnh quan thiên nhiên. Những làng này, yếu tố cảnh quan còn lại ít. Nhưng về bản chất của một đô thị di sản như Hà Nội, mặc dù yếu tố cảnh quan nông nghiệp của những làng này gần như không còn/ hoặc còn ít, thậm chí chỉ còn là dấu ấn, nhưng sự xác nhận qua tên gọi lịch sử của nó cũng đủ chứng minh vai trò xuyên suốt trong lịch sử đô thị nói chung và đòi hỏi yêu cầu chính sách ứng xử phù hợp.

- Nhóm làng lọt vào khu hạn chế phát triển: Nhóm các làng có nhiều nghề thủ công của Hà Nội cũ và có một số lượng công trình lịch sử văn hoá tín ngưỡng lớn. Các làng này đã phải chịu một chế độ đô thị hoá cưỡng bức do đã hoặc đang chuyển đổi toàn bộ đất nông nghiệp sang đất đô thị trong một thời gian ngắn. Do đất đai có hạn, dân số tăng lên nhưng vẫn còn ảnh hưởng nhiều của lối sống nông thôn. Các làng lọt trong khu vực hạn chế phát triển hầu hết sẽ trở thành một nhóm ở hoặc đơn vị ở. Vì thế trong quy hoạch bảo tồn các đặc trưng truyền thống cần thu hẹp đến mức độ tiêu biểu mang ý nghĩa bảo tồn giá trị truyền thống, bảo tàng, lưu niệm, giới thiệu trao đổi văn hoá.

- Nhóm làng lọt vào khu phát triển: Mức độ tác động của đô thị hoá chậm hơn và lâu dài hơn, do đó quá trình chuyển đổi đất đai và sản xuất chậm hơn so với nhóm trên. Người dân chuyển đổi sản xuất bằng các loại hình dịch vụ mới phục vụ cho nhu cầu giải trí. Cần có biện pháp chủ động hiện đại hoá các làng, để chuẩn bị cho quá trình hội nhập vào cuộc sống đô thị. Với sự tổ chức theo mô hình không gian mềm sẽ chủ động được về kinh tế, cải tạo, hiện đại hoá và giữ gìn phát triển được giá trị văn hoá truyền thống.

- Nhóm làng kề đô thị có vị trí gần hoặc giáp ranh với nội thành: Do tác động của đô thị hoá và kinh tế thị trường sẽ có sự chuyển đổi nghề nghiệp, lao động nhưng vẫn còn khả năng sản xuất nông nghiệp và ít chịu những điều kiện bắt buộc của đô thị. Vì vậy nhóm làng kề đô thị được chủ động về thời gian, còn khả năng đất đai nên việc chuyển đổi kinh tế nông nghiệp kết hợp sản xuất bán nông nghiệp, nghề truyền thống và dịch vụ du lịch nghỉ ngơi văn hoá sẽ tuỳ thuộc vào thế mạnh của mỗi làng.

- Nhóm làng ở ngoại vi so với trung tâm thành phố: Những va chạm về văn hoá truyền thống với văn minh đô thị không cao và hoàn toàn được chủ động trước những tác động của quá trình đô thị hoá. Hiện đại hoá nhóm làng này chính là việc đưa thêm các chức năng mới của đô thị kết hợp với chức năng sản xuất nông nghiệp là chính. Chức năng của các làng này là sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp kết hợp dịch vụ, sản xuất, du lịch nghỉ ngơi.

NHỮNG YÊU CẦU QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC KHÔNG GIAN NÔNG THÔN TRONG ĐÔ THỊ

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng cảnh quan nông thôn bao gồm điều kiện tự nhiên, khí hậu, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của từng vùng, miền; yếu tố kinh tế; trình độ dân trí của người dân; tiến trình hội nhập quốc tế. Vì vậy cần xác định những yêu cầu quản lý trên cơ sở bảo tồn, khai thác và phát huy các không gian này trong tiến trình phát triển của đô thị.

Xây dựng cảnh quan nông thôn kết hợp giữa truyền thống và hiện đại

Yếu tố cảnh quan truyền thống cần có sự tiếp thu những yếu tố hiện đại để kiến tạo nên những không gian nông thôn đáng sống là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao đời sống cho người dân. Quy hoạch cảnh quan nông nghiệp, cần đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trong phong trào xây dựng NTM đang diễn ra, xem xét tác động đến các yếu tố kiến trúc cảnh quan gốc, trên cơ sở đó, đề xuất định hướng, giải pháp phù hợp. Cảnh quan nông nghiệp trong đô thị cần mang hơi thở thời đại, hiện đại, văn minh nhưng vẫn phải đảm bảo bản sắc (nông thôn, vùng miền), môi trường khí hậu trong lành.

Yếu tố kiến trúc trong cảnh quan nông thôn

Những khu vực nông thôn có giá trị kiến trúc cảnh quan cần được bảo tồn tổng thể (bao gồm cả công trình và không gian cảnh quan). Theo mô hình lý thuyết, khu vực bảo tồn là trung tâm có tính lịch sử và bao quanh khu vực bảo tồn này là vùng đệm, bên ngoài vùng đệm. Thiết lập 03 khu vực có thể theo mô hình quy hoạch đồng tâm (phát triển đều ra các hướng) hoặc mô hình phát triển tịnh tiến về một phía, tùy thực trạng đất đai, hướng phát triển của từng làng. Những công trình văn hóa truyền thống như đền, chùa, miếu... và công trình về kinh doanh, dịch vụ (chợ làng, buôn bán nhỏ), có thể tập trung ở một khu vực (thường ở vị trí trung tâm, trên đường trục chính làng), hình thành khu trung tâm văn hóa hoặc phân bố rải rác ở các vị trí khác nhau trong làng. Trường hợp tập trung hình thành trung tâm văn hóa làng, khu vực này cần phải được bảo tồn, nâng cấp ở mức cao nhất vì đây có thể nói là nơi lưu giữ nét đặc trưng của làng. Đồng thời, cần thiết lập không gian chuyển tiếp bảo đảm sự hài hòa kiến trúc cảnh quan.

Trên cơ sở cấu trúc truyền thống (ngõ, xóm) tạo thành các nhóm nhà ở, cần đảm bảo mối quan hệ cộng đồng láng giềng. Không gian kiến trúc, nhà ở là không gian mở linh hoạt, có khả năng đáp ứng được sự chuyển đổi của kinh tế lao động và nhân khẩu. Các công trình nhà ở mới được xây dựng xen kẽ trong làng xóm cần đảm bảo về mật độ xây dựng cũng như hình thức kiến trúc, quy mô xây dựng của công trình nhằm đạt được sự hài hòa trong tổng thể cảnh quan.

Cùng với đó, hệ thống hồ, ao, sân bãi, không gian thoáng được kết hợp làm hồ điều hòa, cảnh quan (khai thác kinh tế, làm sân bãi tập kết, đỗ xe và các yêu cầu kỹ thuật hạ tầng khác trong quá trình lọt vào đô thị nếu có) và khu vui chơi, giải trí (công viên cây xanh, vườn hoa để tạo cảnh quan, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi của dân làng và khách du lịch). Gần đây, một số địa phương đã ý thức được việc tạo dựng cảnh quan bằng cách giữ lại và cải tạo hồ ao, trồng hoa, cây cảnh, tạo nét đẹp trong xây dựng Nông thôn mới như Đan Phượng, Gia Lâm, Thanh Trì (Hà Nội)...

Yếu tố môi trường sinh thái

Trong làng, xã phải đặc biệt chú trọng tới việc tổ chức không gian cây xanh và vấn đề môi trường. Trồng nhiều cây xanh với từng khu chức năng để chống nóng, ồn, bụi, không gây ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh. Tổ chức không gian xanh cần duy trì cây xanh truyền thống, đặc trưng, tạo cảnh quan đặc hữu của làng như cây gạo, đa, si, khóm tre... kết hợp với các không gian mặt nước và không gian mở. Những cơ sở sản xuất, chăn nuôi, chế biến phát sinh nhiều khói bụi độc hại phải được bố trí cuối hướng gió chủ đạo, xa khu dân cư và có biện pháp trực tiếp giảm bớt ảnh hưởng. Quản lý môi trường nước thải, chất thải rắn, không khí ô nhiễm và tiếng ồn cần có hệ thống phân tách, xử lý tùy mức độ ô nhiễm. Hạn chế tối đa xả thải độc hại ra môi trường.

Về quản lý xây dựng và tổ chức thực hiện

Rà soát các văn bản quy định cũng như hướng dẫn về quy hoạch, xây dựng, quản lý cảnh quan nông thôn và Nông thôn mới, trên cơ sở đặc thù của từng địa phương; hoàn thiện bổ sung chi tiết hóa hệ thống các quy định, hướng dẫn về quản lý xây dựng; khuyến khích, phát huy vai trò của người dân, cộng đồng dân cư tham gia thực hiện và giám sát quản lý xây dựng, tạo sự đồng thuận, thống nhất. Bên cạnh đó, ban hành quy chế bắt buộc và hướng dẫn tu bổ, cải tạo, xây mới đối với công trình di tích văn hóa lịch sử, công trình có giá trị; hệ thống các không gian công cộng, cảnh quan cần bảo vệ; các khu vực chuyển tiếp, xây dựng xen kẽ, xây dựng mới

Một số giải pháp

Duy trì đặc tính của khu định cư nông thôn và di sản của nó: Xây dựng phi nông nghiệp liên quan đến bảo tồn và phát triển các khu định cư nông thôn trong khi vẫn duy trì đặc tính độc đáo của họ; Phát triển nông thôn và du lịch nông nghiệp tương thích với hoạt động nông nghiệp và đặc điểm nông thôn; Tăng trưởng dân số hữu cơ được thể hiện trong việc mở rộng các khu định cư đã tồn tại trong khi củng cố cả cộng đồng kỳ cựu và cộng đồng mới; Chất lượng cuộc sống trong cảnh quan nông thôn; Đổi mới định cư nông thôn - nhấn mạnh việc tạo ra một cộng đồng bảo tồn di sản, phản ánh quá khứ và lịch sử phát triển làm cơ sở cho sự phát triển.

Bảo tồn không gian mở, văn hóa nông nghiệp và giá trị cảnh quan: Xây dựng cho mục đích nông nghiệp trong các khu định cư và trong không gian mở; Kết hợp các nguyên tắc phát triển bền vững vào các quy trình ra quyết định trong các ủy ban cấp bộ; Đất nông nghiệp - phát triển đồng thời duy trì nền tảng nông nghiệp và không gian mở; Bảo tồn và thoát nước để duy trì giá trị của đất cho nông nghiệp; Hỗ trợ cảnh quan nông nghiệp; Phát triển tổ hợp cảnh quan nông nghiệp.

Bảo tồn mối quan hệ tự nhiên - nông nghiệp: Ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại cho nông dân thông qua các phương tiện thân thiện với môi trường; Ngăn chặn nghiêm ngặt sự cố tràn ô nhiễm nông nghiệp vào các khu vực được bảo vệ và có giá trị (khu bảo tồn thiên nhiên và khu vực cảnh quan); Tham gia tích cực vào việc bảo tồn đa dạng sinh học; Góp phần bảo tồn nguồn gen của thiên nhiên, đặc biệt là liên quan đến thực vật có tiềm năng nông học.

Nguồn ảnh: Internet

Phát huy hiệu quả "vành đai xanh, nêm xanh"

Vành đai xanh là không gian xanh bao quanh đô thị hay khu vực xây dựng lớn, nhằm mục đích định hình cấu trúc và quản lý sự tăng trưởng đô thị hiệu quả. Các mục tiêu cụ thể của vành đai xanh bao gồm: (i) Hỗ trợ tái tạo đô thị thông qua việc khuyến khích phát triển hiệu quả; (ii) Bảo tồn tính đặc trưng truyền thống của khu vực nông thôn; (iii) Ngăn chặn sự phát triển lan tỏa của đô thị; (iv) Bảo vệ diện tích đất nông, lâm nghiệp; (v) Cải thiện khu vực rìa đô thị bị xuống cấp; (vi) Cung cấp cơ hội vui chơi giải trí cho người dân đô thị; (vii) Tăng cường liên kết giữa đô thị và vùng nông thôn mở. Một trong số đó là thiết lập mạng không gian xanh bao gồm: không gian xanh kiểm soát phát triển, duy trì cấu trúc đô thị (hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh) và không gian xanh phục vụ nhu cầu đô thị. Trong đó, vành đai xanh và nêm xanh sẽ được kiểm soát phát triển chặt chẽ còn hành lang xanh phát triển cân bằng dựa trên bảo tồn.

Tăng cường liên kết đô thị - nông thôn

Nhận diện đúng về quan hệ liên kết, tương hỗ, chú trọng quan hệ kinh tế và quan hệ sinh thái. Nên cần có các chính sách phát triển riêng cho khu vực nông thôn ngoại thành (khu ven đô), nhất là đô thị lớn. Không dừng ở định hướng chiến lược hay định hướng quy hoạch. Khẳng định không gian nông thôn ngoại thành và đô thị có sự ràng buộc trên góc độ sinh thái tự nhiên. Đô thị càng phát triển thì bản thân nó càng khó tự cân bằng và đảm bảo được yếu tố môi trường, tự nhiên, khí hậu. Đặc biệt là tính bền vững môi trường trước những biến đổi khí hậu khó lường./.

Bài viết thuộc đề tài NCKH cấp Nhà nước: ***Mô hình tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan nông thôn mới kế thừa giá trị văn hóa truyền thống các vùng miền.***

Tài liệu tham khảo

1. Labadi, S. & Logan, W. (2016) 'Các phương pháp tiếp cận di sản đô thị, phát triển và bền vững', trong cuốn Di sản Đô thị, Phát triển và Bền vững: Khung Quốc tế, Quản trị Quốc gia và Địa phương. Luân Đôn: Routledge; 1-22.

2. Văn kiện đã được thông qua tại cuộc họp tháng 10-1987 của Đại Hội đồng ICOMOS ở Washington. DC và thường được gọi là "Hiến chương Washington"

3. Tạ Thị Hoàng Vân. (2016), Không gian văn hóa xã hội trong cấu trúc đô thị Hà Nội, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Đô thị ở Châu Âu và Châu Á - nghiên cứu so sánh, Tr 15-16, Đại học Quốc gia Hà Nội

4. Tạ Thị Hoàng Vân (2020), Những vấn đề bảo tồn không gian kiến trúc cảnh quan khu vực ven đô trong xây dựng NTM (Trường hợp thủ đô Hà Nội sau Quy hoạch mở rộng), Hội thảo Quốc tế Giải pháp Quy hoạch xã NTM ven đô nhằm tăng cường liên kết Đô thị _ Nông thôn và phù hợp với định hướng ĐTH, NXB Khoa học, Xã hội.

5. Tạ Thị Hoàng Vân (2016), Không gian văn hóa xã hội trong cấu trúc đô thị Hà Nội, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Đô thị ở Châu Âu và Châu Á - nghiên cứu so sánh, Tr 15-16, Đại học Quốc gia Hà Nội

6. Tạ Thị Hoàng Vân (chủ nhiệm) (2016), Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý không gian kiến trúc cảnh quan làng truyền thống phù hợp với quy hoạch phát triển thành phố Hà Nội đến năm 2030, Đề tài NCKH cấp Thành phố